

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Nguyễn Kim Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị S, sinh năm 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986.

Cùng cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 ông Nguyễn Văn B có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lữ Thị S trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B không lo cho vợ con, không chung thủy nên cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc. Trong quá trình chung sống bà và ông B có hai người con chung tên Nguyễn Pi T, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2012 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2014, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2020 bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S. Về con chung ông đồng ý giao hai người con chung tên Nguyễn Phi T và Nguyễn Tường V cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Thị S, cho bà Lữ Thị S ly hôn với ông Nguyễn Văn B, giao hai người con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lữ Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn B, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Bà Lữ Thị S với ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Lữ Thị S với ông Nguyễn Văn B là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà S giữ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B vì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông B không lo cho vợ con, không chung thủy và bà không còn yêu thương ông B. Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2020 ông B cho rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Lữ Thị S và ông Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lữ Thị S về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Lữ Thị S với ông Nguyễn Văn B có hai người con chung tên Nguyễn Pi T, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2012 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2014, con chung đang do

bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2020 ông B đồng ý giao hai người con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Lữ Thị S với ông Nguyễn Văn B là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung tên Nguyễn Phi T thể hiện tại bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2019 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà S và ông B, giao người con chung tên Nguyễn Pi T, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2012 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2014 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa S yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2020 ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà S phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Pi T, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2012 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2014 một người mỗi tháng 750.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[6] Về tài sản chung, nợ chung bà Lữ Thị S và ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà S phải chịu 300.000đ, bà S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lữ Thị S và ông Nguyễn Văn B.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Pi T (giới tính nam), sinh ngày 31 tháng 5 năm 2012 và Nguyễn Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 12 tháng 12 năm 2014 cho bà Lữ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông

Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi hai người con chung tên Nguyễn Pi T, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2012 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2014 một tháng mỗi người 750.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về án phí: Bà Lữ Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019730 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà S đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm, bà Lữ Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**